



An Giang Agriculture and Foods Import – Export Joint - Stock Company

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

25/40 Tran Hung Dao St, LongXuyen city, AnGiang Province, Viet Nam

Tel: 84 763 932983 Fax: 84 763 932981

E-mail: xnknstpagg@hcm.vnn.vn – Web site: www.afiex.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỪ 01/04/2011 ĐẾN 31/12/2011

THÔNGIỆP

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị cổ đông!

Sau Đại hội đồng cổ đông thành lập và chính thức đi vào hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần từ ngày 01/4/2011, Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang (AFIEX) đã tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Cải tiến công tác quản trị cho phù hợp với yêu cầu mới, tổ chức sắp xếp lại lao động, đẩy mạnh công tác thị trường nhất là thị trường xuất khẩu, quản lý tốt qui trình sản xuất-chế biến theo định mức kinh tế kỹ thuật, điều hành hoạt động kinh doanh thích ứng với diễn biến thị trường... và đạt được nhiều kết quả tích cực. Kết thúc 9 tháng năm 2011, AFIEX đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập đã đề ra, tạo tiền đề cho việc phát triển ổn định, bền vững.

So chỉ tiêu kế hoạch, tổng doanh thu đạt 2.054 tỷ đồng, tăng 16%; kim ngạch xuất khẩu đạt 57,8 triệu USD, tăng 19%, lợi nhuận trước thuế đạt 52 tỷ đồng, tăng 30%, thu nhập bình quân của người lao động đạt 4,8 triệu đồng/người/tháng tăng 14,29%. Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ lực đều có bước tăng trưởng, các đơn vị trực thuộc đều đạt được hiệu quả.

Tuy nhiên nhiều nguyên nhân khách quan phát sinh trong năm đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh, làm hạn chế hiệu quả đạt được. Đó là tác động của lạm phát, lãi suất tiền vay tăng cao, chi phí đầu vào tăng mạnh, giá cả nguyên vật liệu tăng nhanh đột biến, nguồn cung căng thẳng, áp lực cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt. Thị trường tiêu thụ suy giảm do biến động chính trị, khủng hoảng tài chính và nợ công ở một số nước nhập khẩu truyền thống.

Tình hình năm 2012 được dự báo sẽ tiếp tục khó khăn, thậm chí có phần gay gắt hơn năm 2011. Ngoài những nguyên nhân xuất phát từ hệ quả của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, diễn biến thị trường xuất khẩu của hai mặt hàng gạo, cá không thuận lợi cả về nhu cầu, giá bán. Hội đồng quản trị căn cứ tình hình thực tiễn nêu trên để định hướng chiến lược phát triển và đề ra chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012, theo đó cố gắng giữ mức tăng trưởng ổn định, chú trọng nâng cao hiệu quả, phấn đấu thực hiện vượt mức kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Để đạt được mục tiêu trên, Công ty sẽ thực hiện các giải pháp cụ thể: tiếp tục đổi mới công tác quản trị, tiếp cận và khai thác các nguồn vay có lãi suất thấp, sử dụng đồng vốn có hiệu quả cao nhất, quản lý chặt chẽ qui trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, tiết giảm chi phí và định mức chế biến, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu để có giá thành cạnh tranh, tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực chủ lực: lương thực, thủy sản, thức ăn chăn nuôi, trong đó ưu tiên đầu tư cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu, tích cực xúc tiến phát triển thị trường nhất là thị trường xuất khẩu thủy sản.

Việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong bối cảnh khó khăn, bất lợi của năm 2012 tiếp tục đặt ra nhiều thách thức, nhưng AFIEX tin rằng với nỗ lực chủ quan của toàn Công ty cùng với niềm tin và ủng hộ của các cổ đông, chắc chắn chúng ta sẽ vượt qua và gặt hái thành công.

Thay mặt Hội đồng quản trị, kính chúc Đại hội đồng cổ đông năm 2012 thành công tốt đẹp, kính chúc toàn thể cổ đông, cán bộ quản lý, công nhân lao động cùng gia đình sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt.

Trân trọng kính chào!

CTY CỔ PHẦN XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM VĂN BẢY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỪ 01/04/2011 ĐẾN 31/12/2011

I. TÓM LƯỢC LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN:

1. THÔNG TIN CÔNG TY:

Tên Công ty: CTY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Tên tiếng Anh: AN GIANG AGRICULTURE AND FOODS IMPORT- EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên giao dịch : AFIEX

Trụ sở chính : số 25/40 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại : (076) 3932 963
- Fax : (076) 3932 981
- Website : <http://www.afiex.com.vn>
- Email : xnknstpagg@hcm.vnn.vn

Vốn điều lệ : 350.000.000.000 VND

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số **1600194461** do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp ngày 01/4/2011.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

Được thành lập năm 1990 theo Quyết định số 71/QĐ.UB.TC ngày 10/02/1990 của UBND tỉnh An Giang với tên gọi Công ty XNK Nông Thủy sản An Giang, hoạt động theo loại hình doanh nghiệp nhà nước.

Đổi tên và thành lập lại với tên gọi Công ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 69-QĐ/UB ngày 29/01/1996 của UBND tỉnh An Giang, loại hình doanh nghiệp nhà nước.

Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22/09/2010 của UBND tỉnh An Giang và chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần từ ngày 01/4/2011.

Trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 148/CQĐD-NV ngày 06/7/2011 của Ủy ban chứng khoán nhà nước- cơ quan đại diện tại TP Hồ Chí Minh.

Công ty AFIEX là thành viên của: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VIETFOOD), Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu Thủy sản (VASEP), Hiệp hội Thức ăn Chăn nuôi Việt Nam (VFA).

AFIEX đang áp dụng và được cấp chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng: HACCP, ISO 9001: 2008, BRC đối với thủy sản và GLOBAL GAP, ISO 9001: 2008 đối với thức ăn chăn nuôi.

Được Bộ Công thương công nhận danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín liên tục từ năm 2004 đến nay, được xếp hạng trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt nam (VNR 500) liên tục từ 2007 đến nay.

Các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh được cấp phép bao gồm:

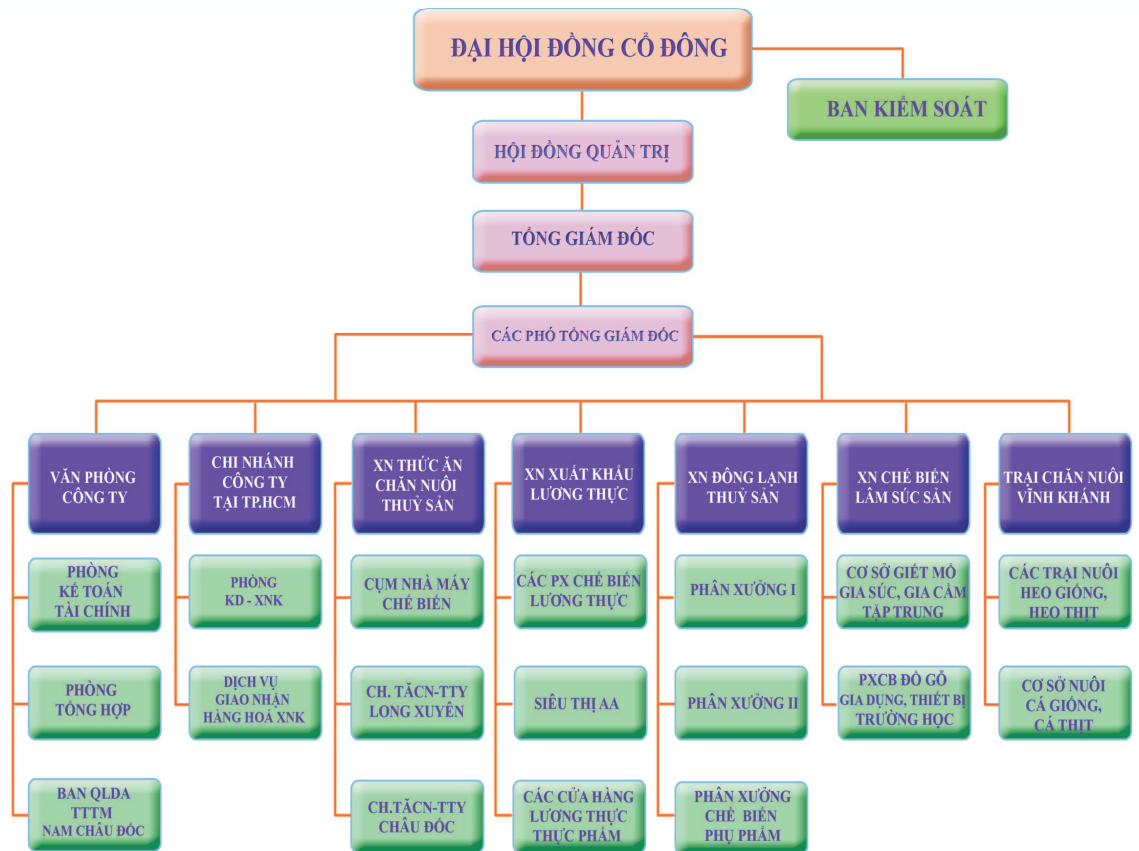
Số TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn gạo	4631
2	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
4	Khai thác gỗ	0221
5	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
6	Bán buôn đồ uống	4633
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4633
8	Sản xuất giấy nhân, bì nhân, bao bì từ giấy và bìa	1702
9	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
11	Xay xát và sản xuất bột khô	1061
12	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
14	Bán buôn thực phẩm	4632
15	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
17	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
18	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
19	Chăn nuôi Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình Dịch vụ giao nhận và khai báo hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu Dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm tập trung Sản xuất băng phân từ Mua bán băng phân từ Chế biến dầu Bio-Diesel và nhiên liệu khác từ mỡ cá Mua bán găng bách hóa tổng hợp Dịch vụ chữa bệnh cho gia súc, gia cầm Dịch vụ chữa bệnh cho thủy sản Nuôi cá nước ngọt Ươm cá giống	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU- NHẬP KHẨU

Xuất khẩu: Gạo, nông sản, thủy sản.

Nhập khẩu: Phân bón, thuốc thú-y, nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, gỗ, hàng kim khí điện máy và hàng tiêu dùng khác.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG



3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN :

- Mục tiêu chủ yếu của Công Ty: Phát huy lợi thế liên kết của các hoạt động kinh doanh và uy tín thương hiệu, xây dựng Công Ty thành một doanh nghiệp mạnh, tăng trưởng ổn định và phát triển bền vững.

- Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tăng cường hiệu quả hoạt động của 03 ngành hàng chủ lực: Lương thực, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, kết hợp khai thác lợi thế của các ngành nghề kinh doanh phụ trợ khác theo hướng phát triển đồng bộ, vững chắc.

+ Quy hoạch, đầu tư vùng nuôi cá tra nguyên liệu kết hợp với các hình thức nuôi liên kết nhằm ổn định sản xuất và giải quyết khó khăn cho lãnh vực chế biến thủy sản. Đầu tư có chọn lọc nhằm mở rộng qui mô và tăng cường năng lực cạnh tranh cho các ngành kinh doanh chủ lực.

+ Phát triển nguồn nhân lực, kết hợp giữa tuyển dụng mới và tăng cường đào tạo lao động hiện có.

+ Quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

+ Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tài chính.

+ Tiếp tục củng cố, tăng cường công tác phát triển thị trường trong và ngoài nước.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM :

Bối cảnh năm 2011:

- Kinh tế thế giới vẫn đang trong giai đoạn suy thoái. Khủng hoảng tài chính và nợ công ở Châu Âu lan rộng, các giải pháp kiểm soát tiền tệ và thắt lưng buộc bụng làm suy giảm sức mua. Biến động chính trị ở một số nước Bắc Phi, Trung Đông ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu gạo và cá.

Kinh tế vĩ mô trong nước bị tác động bởi lạm phát gia tăng, lãi suất tiền vay tăng cao, chi phí đầu vào tăng mạnh trong đó giá nguyên liệu tăng nhanh đột biến ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh.

- Thị trường xuất khẩu gạo tập trung có sự biến động và dịch chuyển lớn, giảm nhiều ở Philippines, nhưng tăng mạnh ở Indonesia, Malaysia, Bangladesh ... Hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo có một số thay đổi sau khi Nghị định 109/2010/NĐCP của Chính Phủ có hiệu lực thi hành.

- Tuy gặp nhiều khó khăn, hoạt động kinh doanh 9 tháng cuối năm 2011 đạt kết quả tích cực.

Tình hình tài chính ổn định, lợi nhuận và các chỉ tiêu SX-KD chủ yếu đều vượt so kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO KẾ HOẠCH:

TÓM TẮT SỐ LIỆU TÀI CHÍNH TỪ 01/04/2011 ĐẾN 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011	Kế hoạch Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011	So sánh Thực hiện/Kế hoạch
Tài sản ngắn hạn	702.166.497.241		
Tài sản dài hạn	253.012.364.348		
Tổng doanh thu	2.053.901.087.213	1.770.000.000.000	116%
Lợi nhuận trước thuế	52.051.529.594	40.000.000.000	130%
Lợi nhuận sau thuế	40.581.106.963	30.000.000.000	135%
Lãi cơ bản/CP	1.159	857	

3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:

- Thực hiện Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22/09/2010 của UBND Tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án và chuyển Công Ty XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang thành Công Ty Cổ Phần, ngày 15/03/2011, Công Ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập để thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, bầu Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, thông qua phương án SX-KD 9 tháng cuối năm 2011 và chính thức hoạt động theo loại hình Công Ty cổ phần từ ngày 01/04/2011.

- Hội đồng quản trị phê duyệt quyết định bổ nhiệm Ban quản lý điều hành mới gồm các nhân sự có năng lực chuyên môn giỏi, có bản lĩnh và nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty.

- Trong năm, Công Ty tập trung đầu tư cho lĩnh vực chế biến lương thực và chế biến thủy sản với các dự án Xây dựng Nhà máy sấy, xay sát lúa và kho chứa lúa gạo Tân Lập; bổ sung thiết bị nâng công suất Nhà máy đông lạnh thủy sản và cải tạo nâng cấp 02 hệ thống xử lý nước thải; xây dựng vùng nuôi cá tra nguyên liệu giai đoạn 1....

- Xí nghiệp, Thức ăn chăn nuôi - thủy sản được cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Global Gap và ISO 9001: 2008.

4. CÁC RỦI RO CHÍNH VÀ TRIỂN VỌNG KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:

*** Các khó khăn và rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp:**

- Lạm phát trong nước tiếp tục tác động đến doanh nghiệp.
- Chi phí vốn tăng nhanh do lãi suất vốn vay và chi phí sản xuất ở mức cao, trong khi giá bán không thể tăng tương ứng ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.
- Thị trường tiêu thụ nhiều biến động (gạo, cá) do áp lực cạnh tranh, khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới.
- Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu tăng cao, giá nguyên liệu biến động khó dự đoán, nguồn cung khan hiếm tiếp tục là những thách thức trong hoạt động SX-KD.

*** Triển vọng kế hoạch trong tương lai:**

- Tuy có biến động về thị trường nhưng cân đối cung cầu của các sản phẩm chủ lực vẫn có triển vọng tích cực. Kinh doanh lương thực vẫn là hoạt động chính của Công Ty, nhu cầu tiêu thụ gạo tăng theo tốc độ tăng dân số, giá cả thị trường luôn nhạy cảm với yếu tố biến đổi khí hậu, thời tiết, thiên tai... Sản phẩm cá tra, ba sa đã khẳng định lợi thế cạnh tranh trên thị trường thủy sản thế giới và tăng trưởng hàng năm. Thức ăn chăn nuôi thủy sản vẫn có triển vọng theo xu thế phát triển của lĩnh vực nuôi. Với sự nỗ lực chủ quan về công tác thị trường, nghiên cứu sản phẩm, quản lý chất lượng và chính sách phân phối, các lĩnh vực kinh doanh chủ lực của Công Ty sẽ có điều kiện tăng trưởng.

- Kế hoạch trong tương lai là tập trung phát triển thị trường mới bên cạnh củng cố, duy trì khách hàng truyền thống. Lựa chọn phân khúc thị trường, sản phẩm phù hợp để tăng khả năng cạnh tranh. Trong năm 2012, mục tiêu của Công Ty là đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động chế biến thủy sản. Với các lợi thế uy tín thương hiệu, tài chính lành mạnh, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, Công Ty sẽ cố gắng hoàn thành kế hoạch SX-KD do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	26,49
- Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	73,51
Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	59,11
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	40,89
Khả năng thanh toán:		
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,69
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,75
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,21
Tỉ suất lợi nhuận:		
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	1,98
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4,25
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,39

Cổ Tức

Cổ tức đã chi trả trong năm: 0

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VND

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD:

Năm 2011, mặc dù gặp khó khăn do khủng hoảng tài chính thế giới, do ảnh hưởng lạm phát trong nước dẫn đến lãi suất tiền vay và chi phí đầu vào tăng cao, thị trường tiêu thụ truyền thống có những biến động lớn, nhưng với sự nỗ lực chung và ủng hộ của các cổ đông, AFIEX tiếp tục vươn lên sau khi chuyển đổi cổ phần. Tình hình tài chính lành mạnh, các chỉ tiêu SX-KD chủ yếu đều vượt so kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các lĩnh vực hoạt động đều tăng trưởng khả quan và đóng góp vào hiệu quả chung, nổi bật nhất là lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản.

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011	Kế hoạch Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011	So sánh Thực hiện/Kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.054	1.770	116%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,1	40	130%
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	57,8	48,4	119%
- Gạo	Triệu USD	50	39,6	126%
- Cá	Triệu USD	7,8	8,8	89%
Sản lượng xuất khẩu	Tấn			
- Gạo	Tấn	105.922	90.000	118%
- Cá	Tấn	2.255	3.400	66%
Sản lượng tiêu thụ TĂCN TS	Tấn	51.733	40.000	129%

Đạt được kết quả trên xuất phát từ các nguyên nhân:

- Nhận diện, đánh giá rủi ro kịp thời, thực hiện các giải pháp điều hành linh hoạt để khai thác tối đa các lợi thế trong kinh doanh.

- Tích cực phát triển thị trường trong và ngoài nước; một số thị trường hứa hẹn nhiều tiềm năng và triển vọng cho các sản phẩm gạo, cá. Thực hiện tốt chính sách khách hàng trong phân phối tiêu thụ thức ăn chăn nuôi - thủy sản... giữ vững uy tín trong giao hàng và ổn định chất lượng sản phẩm.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về kinh doanh, tài chính, đầu tư và quản trị, nhằm giải quyết các khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng.

- Đa dạng hóa quan hệ với các tổ chức tín dụng, tiếp cận và khai thác các nguồn vốn vay có lãi suất thấp nhằm tiết giảm chi phí tài chính.

- Tập trung vốn cho các lĩnh vực SX-KD chính, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo giá thành và giá bán hợp lý cạnh tranh.

- Quan hệ tốt giữa Ban điều hành và Hội đồng quản trị Công ty. Cụ thể:

Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết HĐQT Công ty đến từng cán bộ quản lý, phòng ban. Sắp xếp lại bộ máy tổ chức nhân sự, điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cán bộ, công nhân lao động, quan hệ tốt với lãnh đạo địa phương và các tổ chức tín dụng, đóng góp phúc lợi xã hội trong Tỉnh. Báo cáo đầy đủ và kịp thời cho Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, phân phối lợi nhuận, đề xuất các chính sách liên quan đến chiến lược phát triển để HĐQT đưa ra quyết định đúng đắn. Chỉ đạo việc công bố thông tin đúng theo qui định của công ty đại chúng.

Bên cạnh đó, còn có các yếu tố thuận lợi:

- Luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của lãnh đạo địa phương và các ngành quản lý.

- Sự hỗ trợ nhiệt tình của các ngân hàng trong cung cấp tín dụng, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Vai trò tích cực của các cổ đông chiến lược trong chia sẻ kinh nghiệm về quản lý tài chính, hỗ trợ công tác thị trường.

3. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

Đã sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và ổn định hoạt động trước khi cổ phần.

Cải tiến công tác quản trị, tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý trong điều hành kinh doanh.

Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, nhiên liệu cho ô tô và công tác phí, qui trình mua sắm, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Điều chỉnh các quy chế làm việc với tổ chức Đảng, Công đoàn, quy chế thực hiện dân chủ ở cơ quan, nội qui lao động, thỏa ước lao động... cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần.

Tuy xuất phát trong bối cảnh nhiều khó khăn, đã tiếp tục điều hành kinh doanh đạt hiệu quả. Các chỉ tiêu tài chính, kinh doanh đều thực hiện vượt kế hoạch được giao.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI:

Trên cơ sở nhận định điểm mạnh, điểm yếu và các khó khăn, thách thức đặt ra trong tương lai, AFIEX xác định hướng đi chiến lược là tiếp tục đầu tư cho 03 lĩnh vực SX-KD chính, lương thực, thủy sản, thức ăn chăn nuôi; khai thác tối đa lợi thế của từng ngành và tổng thể mối liên kết này. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tăng cường đầu tư nâng qui mô cho các hoạt động kinh doanh hiện có và nghiên cứu bổ sung thêm một số ngành khác có sự tương đồng và hỗ trợ cho lĩnh vực SX-KD chính.

Đối với năm 2012, trước diễn biến tình hình khó khăn bất lợi đến từ đầu năm, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Tiếp tục nỗ lực tối đa để vượt khó, bám sát diễn biến thị trường để đánh giá tình hình và quyết định phương án kinh doanh phù hợp.

Ưu tiên cho công tác phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu, nhằm bù đắp cho suy giảm và biến động của các thị trường hiện có.

Tăng cường quản lý sản xuất, kiểm soát chặt chẽ chi phí.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình trọng điểm, tập trung cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu.

5. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

a. Các chỉ tiêu kế hoạch

a1. Doanh thu kế hoạch năm 2012:

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Triệu đồng)
I	KHÂU XUẤT KHẨU			1.386.750
1	Gạo	Tấn	130.000	1.145.950
2	Sản phẩm thủy sản	Tấn	4.000	240.800
II	KHÂU NHẬP KHẨU			54.000
1	Bã đậu nành	Tấn	2.500	32.100
2	Nguyên liệu TĂ.GS khác	Tấn	2.500	21.900
III	KHÂU NỘI ĐỊA			944.250
1	Thức ăn gia súc	Tấn	58.000	576.500
2	Gạo, tấm, phụ phẩm	Tấn	20.000	120.000
3	Bán lẻ, dịch vụ, tổng hợp khác	x		104.000
4	Sản phẩm chăn nuôi	x		63.750
5	Sản phẩm thủy sản	x		80.000
	Tổng Cộng			2.385.000

a2. Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2012:

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Số lượng	Kim ngạch (USD)
1	Kim ngạch xuất khẩu:			64.500.000
	Gạo	Tấn	130.000	53.300.000
	Sản phẩm thủy sản	Tấn	4.000	11.200.000
2	Kim ngạch nhập khẩu:			18.400.000
	Bã đậu nành	Tấn	20.000	8.800.000
	Nguyên liệu TĂ.GS khác	Tấn	30.000	9.600.000

a3. Những chỉ tiêu tổng hợp sản xuất kinh doanh: (Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2012
I	Vốn Điều lệ	350.000
II	Tổng doanh thu thuần (IIA + IIB + IIC)	2.385.000
A	Hoạt động kinh doanh	2.385.000
B	Hoạt động tài chính	
C	Hoạt động bất thường	
III	Tổng chi phí SXKD (IIIA + IIIB + IIIC)	2.338.000
A	Hoạt động kinh doanh	2.278.000
B	Hoạt động tài chính	60.000
	Trong đó : Chi phí lãi vay	60.000
C	Hoạt động bất thường	
IV	Tổng lợi tức trước thuế (IVA + IVB + IVC)	47.000
A	Hoạt động kinh doanh (IIA - IIIA)	47.000
B	Hoạt động tài chính (IIB - IIIB)	
	Trong đó : Lãi (lỗ) liên doanh	
C	Hoạt động bất thường (IIC - IIIC)	
V	Thuế thu nhập DN	11.750
VI	Tổng lợi tức sau thuế	35.250
VII	Chỉ tiêu tính toán hiệu quả SXKD	
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT thuần (%)	1,97
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn Điều lệ(%)	13,43
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn Điều lệ(%)	10,07

a4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận: (Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2012	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận trước thuế	47.000	
II	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	11.750	
III	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	35.250	
1	Quỹ dự phòng tài chính	1.763	5%
2	Quỹ đầu tư phát triển công ty	1.763	5%
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.763	5%
4	Quỹ Khen thưởng + Phúc lợi	1.763	5%
IV	Chia cổ tức	28.200	
	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ (%)	8,06	

a5. Kế hoạch quỹ lương và thu nhập của người lao động:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2012
I	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	người	
II	Lao động định biên	người	870
III	Tổng quỹ tiền lương tính theo đơn giá (Vkh)	Tr.đồng	45.000
	Trong đó :		
1	Quỹ tiền lương t thiếu sau điều chỉnh	Tr.đồng	
2	Quỹ phụ cấp(PCcv,PCtn,PCnn,PCdt, PC ld)	Tr.đồng	
3	Lương tính thêm khi làm đêm	Tr.đồng	
IV	Đơn giá tiền lương		0,96
V	Quỹ tiền lương ngoài đơn giá (Vpc + Vbs + Vtg)	Tr.đồng	0
VI	Tổng quỹ tiền lương chung (III+V)	Tr.đồng	45.000
VII	Thu nhập khác ngoài lương	Tr.đồng	1.763
1	Thu nhập từ quỹ khen thưởng-phúc lợi	Tr.đồng	1.763
2	Thu nhập khác	Tr.đồng	
VIII	Tổng thu nhập (VI+VII)	Tr.đồng	46.763
IX	Tiền lương bình quân người/tháng (VI/II/12)	1.000 đ	4.310
X	Thu nhập bình quân người/tháng (VIII/II/12)	1.000 đ	4.479

b. Những giải pháp cụ thể:

- **Giải pháp kinh doanh, thị trường và sản phẩm:**

+ Căn cứ diễn biến thị trường, tính toán thời điểm mua vào bán ra và cân đối tồn kho dự trữ hợp lý cho từng lĩnh vực, ngành hàng. Khai thác thông tin nhiều chiều để đánh giá sát đúng tình hình và quyết định phương án kinh doanh.

+ Về mặt hàng gạo: Bên cạnh thị trường tập trung, phát triển mới thị trường thương mại cho xuất khẩu gạo như: Trung Quốc, Hong Kong, Châu Phi... phát triển thêm các sản phẩm gạo thơm, gạo cao cấp bên cạnh sản phẩm truyền thống.

+ Mặt hàng cá: Nâng dần tỷ trọng xuất khẩu cá tra ở các thị trường mới mở như: Châu Á, Trung Mỹ, duy trì các thị trường truyền thống hiện có như EU, Mexico... Tích cực tháo gỡ các khó khăn để sớm quay trở lại thị trường Mỹ.

+ Mặt hàng thức ăn, khác: Tăng cường phát triển thị trường nội địa cho các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, hàng thủy sản GTGT. Kết hợp giữa tăng thêm sản phẩm mới với lựa chọn phân khúc thị trường và thị hiếu tiêu dùng.

+ Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu. Tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trên cơ sở nghiên cứu, chọn lọc và thật sự có tác dụng, hiệu quả.

- Giải pháp tài chính:

+ Tăng cường quan hệ với các tổ chức tín dụng và khai thác các nguồn vốn vay có lãi suất thấp, ưu đãi. Cân đối đủ vốn, kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Theo dõi sát diễn biến tỷ giá để sử dụng hiệu quả ngoại tệ xuất khẩu và nhập khẩu.

+ Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, chi phí quản lý.

- Giải pháp đầu tư:

+ Tiếp tục đầu tư cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu: hiệu quả, kinh tế, xác định nguồn vốn và địa chỉ vay vốn, đúng thủ tục trình tự đầu tư XDCB và Điều lệ Công ty, đúng tiến độ và chất lượng công trình.

+ Trong năm. Ưu tiên đầu tư cho công trình xây dựng mới, cải tạo 03 kho lương thực; cải tạo, nâng cấp 02 hệ thống xử lý nước thải của Xí nghiệp Đông lạnh; xây dựng Văn phòng làm việc, cải tạo kho và bổ sung thiết bị cho Xí nghiệp Thức ăn Chăn nuôi Thủy sản; đầu tư vùng nuôi cá tra dự kiến 10Ha mặt nước (Qui mô dự án 30Ha, sản lượng dự kiến 11.000tấn cá/năm).

- Giải pháp quản trị:

+ Tiếp tục chuẩn hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động.

+ Điều hành hoạt động quản trị Công ty theo đúng mô hình Công ty cổ phần, đúng Điều lệ và các quy chế quản lý. Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến cho phù hợp với thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán được thể hiện trong phần phụ lục đính kèm

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

1. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP:

Tổ chức độc lập chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty là:
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-8 3824 1990 | Fax: 84-8 3825 3973

E-mail: aaschn@hn.vnn.vn

(Chi tiết và ý kiến trong phụ lục đính kèm)

2. KIỂM TOÁN NỘI BỘ: không

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

1. CÁC CÔNG TY LÀ CỔ ĐÔNG CÓ ẢNH HƯỞNG ĐÁNG KÊ:

a. Công Ty TNHH MTV – Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam: là cổ đông chiến lược của Công ty với số lượng cổ phần chiếm 20,52% tổng số lượng cổ phần (*thuyết minh chi tiết ở mục: các dữ liệu thống kê về cổ đông và ở mục thuyết minh báo cáo tài chính: nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*).

b. Công Ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang: là cổ đông chiến lược của Công ty với số lượng cổ phần chiếm 8,63% tổng số lượng cổ phần (*thuyết minh chi tiết ở mục: các dữ liệu thống kê về cổ đông*).

2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TY LIÊN QUAN:

Công ty đã góp vốn liên doanh vào Công Ty TNHH Thương Mại Sài Gòn – An Giang năm 2003 (Hoạt động kinh doanh chính: kinh doanh siêu thị tự chọn; hàng gia dụng, hóa mỹ phẩm, thực phẩm; cho thuê mặt bằng; sản xuất).

Vốn góp của AFIEX chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty này. Từ năm 2003 đến năm 2011: khoản vốn góp của Afiex đã tăng từ 1.500.000.000 VNĐ lên đến: 2.418.668.762 VNĐ.

Một số thông tin về tình hình tài chính năm 2011 của Công ty TNHH TM Sài Gòn – An Giang: (xin xem thêm phần thuyết minh báo cáo tài chính phần các khoản đầu tư tài chính dài hạn)

	31/12/2011
	VND
Tài sản ngắn hạn	39.288.064.812
Tài sản dài hạn	49.194.076.935
Tổng doanh thu	324.883.076.644
Lợi nhuận trước thuế	21.239.673.720
Lợi nhuận sau thuế	18.620.936.367

Các giao dịch thực hiện giữa Công ty TNHH TM Sài Gòn – An Giang với AFIEX:

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
- Doanh số bán hàng	1.557.074.050
	31/12/2011
	VND
- Số dư công nợ phải thu:	57.920.713

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC:

Trụ sở chính Công Ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Địa chỉ: 25/40 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3932 963 – (84.76) 3932 985 I Fax: (84.76) 3 932 981

CN CTy CP XNK NSTP An Giang tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 386/3B Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.76) 35262 905 I Fax: (84.76) 35262 869

CN Cty CP XNK NSTP An Giang - Xuất Khẩu Lương Thực

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, K.Thạnh An, P.Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3834 295 – (84.76) 3834 410 I Fax: (84.76) 3834 409

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi Thủy Sản

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, P.Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3831 540 I Fax: (84.76) 3831 230

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí nghiệp Đông Lạnh Thủy Sản

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Xã Vĩnh Thạnh Trung, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3867 692 – (84.76) 3687 697 I Fax: (84.76) 3688 597

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh

Địa chỉ: Tỉnh Lộ 943, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3736 306 I Fax: (84.76) 3891 370

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí Nghiệp Chế Biến Lâm Súc Sản

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Đông Thạnh B, P.Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, An Giang

Điện thoại: (84.76) 3834 146 I Fax: (84.76) 3834 146

Ban Quản Lý Dự Án Khu Trung Tâm Thương Mại Nam Châu Đốc

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.76) 3575 115 I Fax: (84.76) 3575 790

2. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

Họ và tên	: PHẠM VĂN BÃY
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 20/02/1956
Nơi sinh	: Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang
CMND	: 351812455 ngày cấp 25/12/2003, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Mỹ Thọ, Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang
Số điện thoại liên lạc	: 0913839929
Trình độ chuyên môn	: Đại học hệ chính qui - Kỹ sư Chăn Nuôi Thú Y
Quá trình công tác	: - Năm 1979 - 1980: Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Cần Thơ - Năm 1980 - 1990: Công tác tại CTy Chăn Nuôi An Giang - Năm 1990 - 1995: Phó Giám đốc CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang - Năm 1995 đến tháng 3/2011: Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Cty XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty	: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTy CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	: - Chủ tịch HĐQT CTY TNHH TM Sài Gòn - An Giang - Phó Chủ tịch Hiệp Hội Lương Thực Việt Nam
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	: 17.853.000
+ Trong đó:Cá nhân sở hữu	: 3.000
Họ và tên:	: TRẦN TRUNG NGUỒN
Giới tính:	: Nam
Ngày tháng năm sinh:	: 18/08/1956
Nơi sinh	: Trung Nhứt, Thốt Nốt, Cần Thơ
CMND	: 350717961 ngày cấp 12/01/2006, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 122/5 Thoại Ngọc Hầu, Tp. Long Xuyên, An Giang
Số điện thoại liên lạc:	: 0913971373
Trình độ chuyên môn:	: Đại học hệ chính qui - Kỹ sư Chăn nuôi Thú Y
Quá trình công tác:	: - Năm 1980 - 1982: Cán Bộ Kỹ thuật - Phòng Chăn Nuôi - Sở Nông Nghiệp An Giang - Năm 1982 - 1991: Công tác tại Công ty Chăn Nuôi An Giang - Phó Giám đốc Công ty Chăn Nuôi (1989) - Năm 1991 đến tháng 3/2011: Phó Giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty	: - Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Cty
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	: 112.900
+ Trong đó:Cá nhân sở hữu	: 22.900

Họ và tên: : **NGUYỄN THANH XUÂN**
Giới tính: : Nam
Ngày tháng năm sinh: : 24/02/1967
Nơi sinh: : Mỹ Hiệp, Chợ Mới, An Giang
CMND : 350724248 ngày cấp 06/09/2004, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 17/7B Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, An Giang
Số điện thoại liên lạc: : 0913877037
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh Tế - Tài Chính kế toán
Quá trình công tác: : - Tháng 12/1987 - 12/1989: Công tác tại CTy Xây Dựng Huyện Chợ Mới - An Giang
- Tháng 1/1990 - năm 1997: Công tác tại CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
- Từ năm 1997 - tháng 02/2010: Giám đốc Xí Nghiệp Xuất Khẩu Lương Thực (trực thuộc Công ty AFIEX)
- Từ Tháng 03/2010 đến tháng 3/2011: Phó Giám Đốc Công Ty AFIEX
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty : - Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó Tổng Giám đốc Công ty
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 82.200
+ Trong đó:Cá nhân sở hữu : 82.200

Họ và tên: : **PHẠM NGỌA LONG**
Giới tính: : Nam
Ngày tháng năm sinh: : 28/04/1963
Nơi sinh: : Châu Phú B, TX. Châu Đốc, An Giang
CMND : 350049624 ngày cấp 08/11/2005, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 61B3, Tôn Thất Thuyết, Tp. Long Xuyên, An Giang
Số điện thoại liên lạc: : 0913971998
Trình độ chuyên môn: : Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác: : - Tháng 04/1986 - 12/1989: Kế toán tổng hợp XN Đông Lạnh Thủy sản, trực thuộc CTy XNK Thủy Sản Tỉnh An Giang
- Tháng 01/1990 - 12/1995: Phó phòng kế toán CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang
- Tháng 01/1996 đến tháng 3/2011: Kế toán trưởng CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty : - Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó Tổng Giám đốc Công ty
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 52.400
+ Trong đó:Cá nhân sở hữu : 52.400

3. Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc:

	Từ 01/04/2011
	đến 31/12/2011
	VND
Lương, thưởng - Ban Tổng giám đốc:	1.336.000.000

4. Cơ cấu bộ máy tổ chức:

- Tổng số lao động cuối kỳ : 1.330
- Tăng trong kỳ : 533
- Giảm trong kỳ : 449
- Lao động có trình độ chuyên môn:
 - * Cao học : 04
 - * Đại học, cao đẳng : 163
 - * Trung cấp : 136

5. Chính sách đối với người lao động:

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản theo qui định hiện hành.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

a. Hội Đồng Quản Trị:

Số lượng thành viên: 7 người. Trong đó:

+ Thành viên bên trong: 4 người

+ Thành viên bên ngoài: 3 người

Nhiệm kỳ

Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Phạm Văn Bảy	Chủ tịch HĐQT	2011 - 2015	
2. Tô Thiện Hữu	Thành viên	2011 - 2015	Thành viên bên ngoài
3. Lê Văn Liêm	Thành viên	2011 - 2015	Thành viên bên ngoài
4. Phạm Ngọa Long	Thành viên	2011 - 2015	
5. Phạm Thành Ngọc	Thành viên	2011 - 2015	Thành viên bên ngoài
6. Trần Trung Ngươn	Thành viên	2011 - 2015	
7. Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên	2011 - 2015	

Đặc điểm: Đa số các thành viên của Hội Đồng tiếp tục kiêm nhiệm công tác quản lý điều hành. Có 3 thành viên độc lập không tham gia điều hành quản lý trong Công ty.

Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên:

- Phạm Văn Bảy – Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị: (Xin xem phần Ban Điều hành)
- Phạm Ngọa Long – Thành viên HĐQT: (Xin xem phần Ban Điều hành)
- Trần Trung Ngươn – Thành viên HĐQT: (Xin xem phần Ban Điều hành)
- Nguyễn Thanh Xuân – Thành viên HĐQT: (Xin xem phần Ban Điều hành)

Họ và tên: : **TÔ THIÊN HỮU**
Giới tính: : Nam
Ngày tháng năm sinh: : 22/10/1957
Nơi sinh : Khánh Hòa, Châu Phú, An Giang
CMND : 351393663 ngày cấp: 14/01/2011, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang
Số điện thoại liên lạc: : 0913877125
Trình độ chuyên môn: : Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác: : - Tháng 04/1981 - Tháng 2/1983: Nhân viên Sở Tài chính Vật giá An Giang
- Tháng 02/1983 - Tháng 01/1984: Phó phòng Ngân sách, Sở Tài Chính Vật Giá An Giang
- Tháng 01/1984 - Tháng 11/1989: Phó Ban Thanh tra tài chính, Sở Tài Chính Vật Giá An Giang
- Tháng 11/1989 - Tháng 02/1994: Phó Giám đốc CTy Xổ Số Kiến Thiết An Giang
- Tháng 02/1994 đến nay: Giám đốc CTy Xổ Số Kiến Thiết An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty : Thành viên Hội đồng quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch kiêm Giám đốc Cty Xổ số Kiến thiết An Giang
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 3.028.750
+ Trong đó:Cá nhân sở hữu : 10.000

Họ và tên: : **LÊ VĂN LIÊM**
Giới tính: : Nam
Ngày tháng năm sinh: : 12/12/1954
Nơi sinh : Phong Mỹ, Cao Lãnh, Đồng Tháp
CMND : 340006412 ngày cấp: 31/10/2009, nơi cấp: Công An Đồng Tháp
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Số 70, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Số điện thoại liên lạc: : 0913967189
Trình độ chuyên môn: : Đại học Luật
Quá trình công tác: : - Năm 1976 - 1980: Cán bộ Cty Lương Thực, Sở Lương Thực Tỉnh Đồng Tháp
- Năm 1981 - 1997: Phó phòng Nghiệp vụ, Trưởng phòng KHKD, Trưởng Phòng XNK, Trưởng đại diện TP.HCM thuộc Sở Lương Thực, Cty XNK LTVTNN Tỉnh Đồng Tháp
- Năm 1998: Phó giám đốc Cty XNK Lương thực Vật tư Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp
- Năm 2003: Giám đốc Cty Cấp I Cao Lãnh - thuộc Tổng Cty Lương Thực Miền Nam
- Năm 2005 Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam điều động về An Giang đến nay
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty : Thành viên Hội đồng quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Giám đốc Cty Lương thực Thực phẩm An Giang thuộc TCTy Lương Thực Miền Nam
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 3.550.000
+ Trong đó:Cá nhân sở hữu : 50.000

Họ và tên: : **PHẠM THÀNH NGỌC**
Giới tính: : Nam
Ngày tháng năm sinh: : 24/12/1962
Nơi sinh : Tiền Giang
CMND : 310024718 ngày cấp: 03/4/2003, nơi cấp: Công An Tiền Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 337/22/3 Trần Xuân Soạn, Quận 7, TP Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc: : 0913962506
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác: : - Trước năm 2003: Trưởng phòng XNK Công ty Lương thực Tiền Giang 2003
- Năm 2003 - 2008: Phó phòng kinh doanh - Tổng Cty Lương Thực Miền Nam
- Năm 2008 đến nay: Trưởng phòng kinh doanh Tổng Cty Lương Thực Miền Nam
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty : Thành viên Hội đồng quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng phòng kinh doanh Tổng Cty Lương thực Miền Nam
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 3.681.650
+ Trong đó: Cá nhân sở hữu : -

b. Ban Kiểm Soát:

Họ và tên: : **TRỊNH NGỌC THUẬN**
Giới tính: : Nam
Ngày tháng năm sinh: : 02/10/1976
Nơi sinh : TP Quy Nhơn
CMND : 362353700 Ngày cấp: 22/07/2008, nơi cấp: Công An Cần Thơ
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : C3-12,341 Cao Đạt, Phường 1, Quận 5, TP HCM
Số điện thoại liên lạc: : 0918492294
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác: : - Tháng 12/1999 - 04/2003: Phụ trách tin học Phòng TCKT Cty Lương Thực Sông Hậu tại TP. Cần Thơ (Trực thuộc TCTy Lương Thực Miền Nam)
- Tháng 04/2003 - 10/2005: Phó phòng Tài chính kế toán Cty Lương Thực Sông Hậu tại TP. Cần Thơ (Trực thuộc TCTy Lương Thực Miền Nam)
- Tháng 10/2005 - 06/2009: Trưởng phòng TCKT Cty Lương Thực Sông Hậu tại TP.Cần Thơ (Trực thuộc TCTy Lương Thực Miền Nam)
- Tháng 06/2009 - 05/2010: Kế toán trưởng Cty Lương Thực Sông Hậu tại Tp.Cần Thơ (Trực thuộc TCTy Lương Thực Miền Nam)
- Tháng 05/2010 - 06/2010: Phó Giám đốc phụ trách tài chính Cty Lương Thực Sông Hậu tại TP.Cần Thơ (Trực thuộc TCTy Lương Thực Miền Nam)
- Tháng 6/2010 đến nay: Phó phòng tài chính kế toán TCTy Lương Thực Miền Nam
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty Afifex : Trưởng Ban Kiểm Soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó phòng tài chính kế toán Tổng Công ty Lương thực Miền Nam
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 1.000
+ Trong đó:Cá nhân sở hữu : 1.000

Họ và tên: : **NGUYỄN PHƯỚC TẠO**
Giới tính: : Nam
Ngày tháng năm sinh: : 15/07/1976
Nơi sinh: : Tân Thành, Lai Vung, Đồng Tháp
CMND: : 351977317 ngày cấp: 12/07/2006, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch: : Việt Nam
Dân tộc: : Kinh
Địa chỉ thường trú: : Tây Khánh 4, Mỹ Hòa, TP Long Xuyên, An Giang
Số điện thoại liên lạc: : 0914272201
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác: :
- Năm 1998 - 2002: Nhân viên phòng kế toán Cty Xổ Số Kiến Thiết An Giang
- Năm 2002 - 2009: Phó phòng kế toán Cty Xổ Số Kiến Thiết An Giang
- Năm 2009 - 2010: Phó phòng (phụ trách) phòng kế toán Cty Xổ Số Kiến Thiết An Giang
- Tháng 10/2010 đến nay: Kiểm soát viên CTY TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty afiex: : Thành viên ban kiểm soát Công ty
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: : Kiểm soát viên Cty Xổ số Kiến thiết tỉnh An Giang
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): : 2.000
+ Trong đó: Cá nhân sở hữu: : 2.000

Họ và tên: : **PHAN THỊ TRINH**
Giới tính: : Nữ
Ngày tháng năm sinh: : 07/12/1964
Nơi sinh: : Long Xuyên, An Giang
CMND: : 350730499 ngày cấp: 29/05/2006, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch: : Việt Nam
Dân tộc: : Kinh
Địa chỉ thường trú: : 21/14 Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, TP Long Xuyên, AG
Số điện thoại liên lạc: : 0989144000
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác: :
- Tháng 11/1986 - 11/1990: Công tác tại Cty Chăn Nuôi Thị Xã Long Xuyên
- Tháng 12/1990 - 1995: Công tác tại Cửa Hàng KD Tổng Hợp thuộc Cty XNK Nông Thủy Sản An Giang
- Năm 1996 - 3/2011: Công tác tại Phòng Kế toán Cty XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty Afifex: : - Phó Phòng Tổng Hợp Cty Afifex
: - Kiểm soát viên
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: : không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay): : 12.300
+ Trong đó: Cá nhân sở hữu: : 12.300

2. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Thành phần, tổ chức của Hội đồng quản trị phù hợp với giai đoạn phát triển của Công ty trong tình hình mới. Hội đồng quản trị luôn bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm đề ra các chủ trương đúng đắn cho Công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả. Sau Đại hội đồng cổ đông thành lập. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 3 lần. Nội dung các cuộc họp nhằm bàn bạc thảo luận và quyết định những vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy và nhân sự của Công ty, thông qua quy chế quản lý tài chính và Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban kiểm soát, kế hoạch sản xuất kinh doanh, về đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và có những quyết sách đúng đắn đem lại hiệu quả cho Công ty.

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, các cuộc họp HĐQT đều có Ban kiểm soát tham dự, qua đó kịp thời giám sát và góp ý kiến cho các hoạt động cũng như quyết định của HĐQT theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

Thù lao cho Hội đồng quản trị từ ngày 01/04/2011 đến 31/12/2011 như sau:

		Thù lao được nhận VND
Phạm Văn Bảy	- Chủ tịch HĐQT	36.000.000
Tô Thiệu Hữu	- Thành viên	27.000.000
Lê Văn Liêm	- Thành viên	27.000.000
Phạm Ngọc Long	- Thành viên	27.000.000
Phạm Thành Ngọc	- Thành viên	27.000.000
Trần Trung Ngươn	- Thành viên	27.000.000
Nguyễn Thanh Xuân	- Thành viên	27.000.000
		198.000.000

Thù lao cho Ban Kiểm Soát từ ngày 01/04/2011 đến 31/12/2011 như sau:

		Thù lao được nhận VND
Trịnh Ngọc Thuận	- Trưởng ban kiểm soát	18.000.000
Nguyễn Phước Tạo	- Kiểm soát viên	9.000.000
Phan Thị Trinh	- Kiểm soát viên	9.000.000
		36.000.000

3. CÁC DỮ LIỆU THÔNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG: (Xác định đến ngày 05/04/2012)

a. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	<u>Tỷ lệ</u>
1. Cổ đông Nhà nước	17.850.000	51,00%
2. Cổ đông sáng lập	10.200.400	29,14%
- Cty TNHH MTV-Tổng Cty Lương Thực Miền Nam	7.181.650	20,52%
- Cty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang	3.018.750	8,63%
3. Cổ đông đặc biệt	235.800	0,67%
- Hội Đồng Quản Trị	220.500	0,63%
- Ban Tổng Giám Đốc		0,00%
- Ban Kiểm Soát	15.300	0,04%
4. Cổ đông CB - CNV Cty	2.312.600	6,61%
5. Cổ đông công đoàn Cty	20.000	0,06%
6. Cổ đông ngoài Công ty	4.381.200	12,52%
a. Cổ đông trong nước	4.381.200	12,52%
- Tổ chức	150.000	0,43%
- Cá nhân	4.231.200	12,09%
b. Cổ đông nước ngoài	0	0
	<u>35.000.000</u>	<u>100,00%</u>

(*) **Ghi chú:** 4 thành viên trong HĐQT Cty kiêm nhiệm trong Ban Tổng Giám đốc.

b. Thông tin chi tiết về giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan tới thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm soát: Không có

c. Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn:

*** Cổ đông nhà nước: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Địa chỉ: 16c Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

+ Người đại diện vốn Nhà nước tại AFIEX: Ông Phạm Văn Bảy (Thông tin chi tiết về người đại diện vốn nhà nước: xin xem phần tóm tắt lí lịch Ban Điều hành)

- Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty đến 31/12/2011:

+ Số lượng: 17.850.000 cổ phần

+ Tỷ lệ: 51,00%

- Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty từ 01/04/2011 đến 31/12/2011:

không có

*** Cổ đông góp vốn sáng lập:**

Công ty có 02 cổ đông chiến lược/ sáng lập gồm:

▪ **CÔNG TY TNHH MTV – TỔNG CTY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM:**

- Địa chỉ trụ sở chính: 42 Chu Mạnh Trinh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
+ Người đại diện vốn góp tại AFIEX: Ông Phạm Thành Ngọc và Ông Lê Văn Liêm
(Thông tin chi tiết về người đại diện vốn: xin xem phần tóm tắt lí lịch các thành viên Hội Đồng Quản Trị)

- GCNĐKKD số 0300613198 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp.Hồ Chí Minh cấp.

- Ngành nghề hoạt động:

+ Ngành, nghề kinh doanh chính: Mua bán, xay xát, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm, bột mì, lúa mì, nông sản. Mua bán thủy sản, phân bón, vật tư, thiết bị, máy móc ngành công – nông nghiệp. Nuôi, chế biến thủy hải sản. Sản xuất, mua bán thức ăn chăn nuôi.

+ Ngành, nghề kinh doanh khác: Mua bán gỗ và các sản phẩm từ gỗ, rượu, bia, thuốc lá điều (sản xuất trong nước). Kinh doanh bất động sản. Quản lý khai thác cảng biển, bến thủy nội bộ. Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường thủy. Sửa chữa phương tiện vận tải thủy bộ. Dịch vụ cho thuê kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). San lấp mặt bằng. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật điện, cơ khí, xây dựng. Sản xuất, đóng mới các phương tiện vận tải thủy. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác, mua bán nước uống tinh khiết, nước khoáng. Dịch vụ hỗ trợ trồng trọt, cung cấp giống cây trồng, thu hoạch cây trồng. Quảng cáo thương mại. Tiếp thị. Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế. Kinh doanh khách sạn...

+ Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, bao gồm: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học dùng trong thú y thủy sản; Bán buôn nguyên liệu sản xuất bao bì: hạt nhựa PP, hạt nhựa PE, giấy carton.

+ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

- Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty đến 31/12/2011:

+ Số lượng: 7.181.650 cổ phần

+ Tỷ lệ: 20,52%

- Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty từ 01/04/2011 đến 31/12/2011: không có

▪ **CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 64C Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

+ Người đại diện vốn góp tại AFIEX: Ông Tô Thiện Hữu (Thông tin chi tiết về người đại diện vốn: xin xem phần tóm tắt lí lịch các thành viên Hội Đồng Quản Trị)

- GCNĐKKD số 1600190393 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh An Giang cấp.

- Ngành nghề hoạt động:
 - + Kinh doanh các loại hình xổ số
 - + Kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn
 - + Kinh doanh dịch vụ du lịch
 - + Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư
- Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty đến 31/12/2011:
 - + Số lượng: 3.018.750 cổ phần
 - + Tỷ lệ: 8,63%
- Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty từ 01/04/2011 đến 31/12/2011: không có

CTY CP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM VĂN BẢY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/04/2011 đến 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tên giao dịch là An Giang Agriculture and foods Import – Export Joint stock company (tên viết tắt là Afiex) chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600194461 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 25/40 Trần Hưng Đạo, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Bảy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011
Ông Trần Trung Ngươn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011
Ông Phạm Ngọa Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011
Ông Phạm Thành Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011
Ông Tô Thiện Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011
Ông Lê Văn Liêm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Bảy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011
Ông Trần Trung Ngươn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2011
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2011
Ông Phạm Ngọa Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2011

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trịnh Ngọc Thuận	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011
Ông Nguyễn Phước Tạo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011
Bà Phạm Thị Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/03/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/04/2011 đến 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC, ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

An Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2012

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM VĂN BẢY



Số : 84./2012/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang được lập ngày 15 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/04/2011 đến 31/12/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/04/2011 đến 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2012

CN Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Bùi Văn Thảo

Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV

Kiểm toán viên

Lâm Anh Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 1859/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		702.166.497.241
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	117.124.285.922
111	1. Tiền		17.124.285.922
112	2. Các khoản tương đương tiền		100.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-
130	III. Các khoản phải thu		238.601.638.519
131	1. Phải thu của khách hàng		173.575.673.223
132	2. Trả trước cho người bán		60.409.919.366
135	5. Các khoản phải thu khác	04	4.675.086.131
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(59.040.201)
140	IV. Hàng tồn kho	05	334.225.583.021
141	1. Hàng tồn kho		358.481.940.978
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(24.256.357.957)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.214.989.779
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	06	1.982.109.223
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.747.670.554
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	07	485.210.002
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		253.012.364.348
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-
220	II. Tài sản cố định		179.608.023.070
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	133.961.856.280
222	- Nguyên giá		316.470.744.799
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(182.508.888.519)
227	3. Tài sản cố định vô hình	09	27.692.426.984
228	- Nguyên giá		28.601.235.849
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(908.808.865)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	17.953.739.806
240	III. Bất động sản đầu tư	11	8.816.199.456
241	- Nguyên giá		16.137.653.892
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(7.321.454.436)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	2.418.668.762
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.418.668.762
260	V. Tài sản dài hạn khác		62.169.473.060
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	61.983.014.660
268	3. Tài sản dài hạn khác		186.458.400
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		955.178.861.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		564.597.754.626
310	I. Nợ ngắn hạn		546.943.935.687
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	430.924.086.832
312	2. Phải trả cho người bán		52.542.104.539
313	3. Người mua trả tiền trước		1.965.774.901
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	14.510.855.732
315	5. Phải trả người lao động		5.430.669.723
316	6. Chi phí phải trả	16	2.114.850.980
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	30.110.274.454
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		9.345.318.526
330	II. Nợ dài hạn		17.653.818.939
333	3. Phải trả dài hạn khác		561.500.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	16.822.411.047
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		269.907.892
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		390.581.106.963
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	390.581.106.963
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		350.000.000.000
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.581.106.963
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		955.178.861.589

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8.018.857.145
5. Ngoại tệ các loại		
<i>USD</i>		107.096,19
<i>EUR</i>		341,48

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Thị Thu Hương

Bùi Tôn Sơn

Phạm Văn Bảy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.029.760.136.012
02	2. Các khoản giảm trừ	21	10.798.817.905
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.018.961.318.107
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.869.583.677.596
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		149.377.640.511
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	34.939.769.106
22	7. Chi phí tài chính	25	52.732.070.298
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		46.379.685.220
24	8. Chi phí bán hàng	26	71.984.699.146
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	8.649.586.189
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		50.951.053.984
31	11. Thu nhập khác	28	4.023.215.733
32	12. Chi phí khác	29	2.922.740.123
40	13. Lợi nhuận khác		1.100.475.610
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.051.529.594
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	11.470.422.631
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		40.581.106.963
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.159

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Thị Thu Hương

Bùi Tôn Sơn

Phạm Văn Bảy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		52.051.529.594
	2. Điều chỉnh các khoản		82.976.074.275
02	- Khấu hao TSCĐ		27.546.962.704
03	- Các khoản dự phòng		24.256.357.957
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		215.480.195
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.422.411.801)
06	- Chi phí lãi vay		46.379.685.220
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		135.027.603.869
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(248.834.519.075)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(358.481.940.978)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		101.706.701.226
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(63.965.123.883)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(44.817.788.985)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.207.349.354)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		223.684.718.297
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.241.966.205)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(294.129.665.088)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(37.192.312.487)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		703.909.091
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.418.668.762)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.085.127.556
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(23.821.944.602)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.089.014.096.973
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.653.756.857.423)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		435.257.239.550
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		117.305.629.860
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		-
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		(181.343.938)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	117.124.285.922

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Thị Thu Hương

Bùi Tôn Sơn

Phạm Văn Bảy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2011 đến 31/12/2011

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tên giao dịch là An Giang Agriculture and foods Import – Export Joint stock company (tên viết tắt là Afiex) chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600194461 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 25/40 Trần Hưng Đạo, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Xí nghiệp Xuất khẩu Lương thực

Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi Thủy sản

Xí nghiệp Đông lạnh Thủy sản Afiex

Xí nghiệp Chế biến lâm súc sản

Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh

Cửa hàng bách hóa tổng hợp (siêu thị AA)

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ

Số 25/40 Trần Hưng Đạo, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

Khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Ấp Trung Bình Tiến, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Số 34-36 Hai Bà Trưng, phường Long Mỹ, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Số 386/3B Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, TP HCM

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán lương thực;
- Mua bán sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi;
- Dịch vụ cung cấp vật nuôi;
- Khai thác gỗ;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Mua bán đồ uống, rượu, bia;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán đồ ngũ kim;

- Mua bán thiết bị cấp nước trong nhà và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán mỹ phẩm và hóa mỹ phẩm;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thịt;
- Xay xát, sản xuất bột;
- Xay xát, sản xuất thức ăn gia súc;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản;
- Bán buôn bao bì;
- Mua bán phân bón;
- Mua bán thuốc thú y;
- Mua bán thực phẩm;
- Mua bán thịt gia súc, gia cầm đã qua giết mổ;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản dầu mỡ;
- Kinh doanh địa ốc;
- Sơ chế gỗ;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Chăn nuôi; mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; dịch vụ giao nhận và khai báo hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; sản xuất băng phân tử; mua bán băng phân tử; chế dầu Bio-Diesel và nhiên liệu khác từ mỡ cá; mua bán hàng bách hóa tổng hợp; dịch vụ chữa bệnh cho gia súc, gia cầm; dịch vụ chữa bệnh cho thủy sản; nuôi cá nước ngọt; uơm cá giống.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đây là năm đầu tiên Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần nên kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04/2011 và kết thúc vào ngày 31/12/2011.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Các tài sản khác	04 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không thời hạn
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

2.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”.
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là USD được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng, các ngoại tệ khác được đánh giá lại theo tỷ giá chéo do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2011</u>
	VND
Tiền mặt	13.306.726.350
Tiền gửi ngân hàng	3.817.559.572
Các khoản tương đương tiền (*)	100.000.000.000
	<u>117.124.285.922</u>

(*) Chi tiết:

	<u>31/12/11</u>
	VND
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam_CN An Giang	30.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại NH TMCP Công thương Việt Nam_CN An Giang	60.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN An Giang	10.000.000.000
	<u>100.000.000.000</u>

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2011</u>
	VND
Phải thu UBND tỉnh An Giang giá trị bồi hoàn tài sản trên đất	1.834.643.545
Phải thu tiền chi hộ Công ty TNHH Cargill Việt Nam	448.000.000
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	380.333.334
Phải thu tiền thuế TNCN của CBCNV	398.787.528
Phải thu tiền gia công của Trần Quang Huy	111.424.950
Phải thu BH của CBCNV	73.201.975
Phải thu Cơ quan bảo hiểm	248.861.245
Phải thu các hộ nông dân tiền làm hộ quyền sử dụng đất và ứng trước vật tư	823.803.576
Phải thu khác	356.029.978
	<u>4.675.086.131</u>

-

5. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>
	VND
Nguyên liệu, vật liệu	64.534.800.729
Công cụ, dụng cụ	5.575.008.579
Chi phí SXKD dở dang	12.809.202.613
Thành phẩm	134.416.368.789
Hàng hóa	97.142.463.113
Hàng hóa bất động sản	44.004.097.155
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(24.256.357.957)
	<u>334.225.583.021</u>

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u> VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	307.254.839
Bao bì, vật liệu chờ phân bổ	224.726.882
Chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản	514.007.919
Chi phí bốc xếp, vận chuyên	212.742.729
Chi phí bảo hiểm	291.229.127
Chi phí thuê nhà	302.616.000
Chi phí trả trước khác	129.531.727
	<u><u>1.982.109.223</u></u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u> VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	4.269.018
Tạm ứng	480.940.984
	<u><u>485.210.002</u></u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	134.373.388.662	159.323.737.074	25.183.492.816	3.678.807.889	135.000.000	1.571.448.588	324.265.875.029
- Chuyển số dư đầu kỳ	125.342.202.137	150.138.643.460	24.984.131.028	3.527.447.162	135.000.000	1.286.264.043	305.413.687.830
- Mua sắm	-	9.185.093.614	199.361.788	151.360.727	-	285.184.545	9.821.000.674
- Xây dựng cơ bản	9.031.186.525	-	-	-	-	-	9.031.186.525
Số giảm trong kỳ	(5.867.200.000)	(967.000.000)	(784.500.000)	(40.000.000)	-	(136.430.230)	(7.795.130.230)
- Thanh lý, nhượng bán	(5.867.200.000)	(967.000.000)	(784.500.000)	(40.000.000)	-	(136.430.230)	(7.795.130.230)
Số dư cuối kỳ	128.506.188.662	158.356.737.074	24.398.992.816	3.638.807.889	135.000.000	1.435.018.358	316.470.744.799
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số đầu kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	80.239.526.632	89.391.041.143	15.787.434.117	2.828.261.091	58.863.698	912.598.652	189.217.725.333
- Chuyển số dư đầu kỳ	72.103.705.140	74.435.500.489	13.566.437.013	2.443.474.744	42.589.721	771.379.684	163.363.086.791
- Trích khấu hao TSCĐ	8.135.821.492	14.955.540.654	2.220.997.104	384.786.347	16.273.977	141.218.968	25.854.638.542
Số giảm trong kỳ	(5.274.925.046)	(753.207.529)	(486.457.808)	(43.378.081)	-	(150.868.350)	(6.708.836.814)
- Thanh lý, nhượng bán	(5.274.925.046)	(753.207.529)	(486.457.808)	(43.378.081)	-	(150.868.350)	(6.708.836.814)
Số dư cuối kỳ	74.964.601.586	88.637.833.614	15.300.976.309	2.784.883.010	58.863.698	761.730.302	182.508.888.519
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	53.541.587.076	69.718.903.460	9.098.016.507	853.924.879	76.136.302	673.288.056	133.961.856.280

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.149.096.967 đồng

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	28.321.190.549	-	280.045.300	-	28.601.235.849
- Chuyển số dư đầu kỳ	28.132.592.367	-	82.258.000	-	28.214.850.367
- Mua sắm	-	-	197.787.300	-	197.787.300
- Đầu tư xây dựng	188.598.182	-	-	-	188.598.182
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	28.321.190.549	-	280.045.300	-	28.601.235.849
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	831.817.839	-	76.991.026	-	908.808.865
- Chuyển số dư đầu kỳ	691.804.294	-	62.081.831	-	753.886.125
- Trích khấu hao TSCĐ	140.013.545	-	14.909.195	-	154.922.740
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	831.817.839	-	76.991.026	-	908.808.865
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	27.489.372.710	-	203.054.274	-	27.692.426.984

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011
	VND
Công trình cải tạo kho 1 và kho 4 tại XN Xuất khẩu Lương thực	145.030.909
Công trình xây dựng mới kho Bình Hòa tại XN Xuất khẩu Lương thực	106.330.910
Xây dựng hệ thống xử lý nước thải PX 1 công suất 600m3/ngày tại XN Đông lạnh Thủy sản Afiox	178.181.129
Cải tạo băng chuyền tái đông 600m3/ngày tại XN Đông lạnh Thủy sản Afiox	114.563.331
Xây dựng HT băng chuyền cấp đông IQF phân xưởng 2 tại XN Đông lạnh Thủy sản Afiox	504.648.850
Quyền sử dụng đất tại XN Đông lạnh Thủy sản Afiox	2.859.192.000
Dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc	13.714.249.718
Các công trình khác	331.542.959
	17.953.739.806

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	16.137.653.892	-	-	-	16.137.653.892
- Chuyển số dư đầu kỳ	16.137.653.892				16.137.653.892
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	16.137.653.892	-	-	-	16.137.653.892
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	7.321.454.436	-	-	-	7.321.454.436
- Chuyển số dư đầu kỳ	5.784.053.014				5.784.053.014
- Trích khấu hao	1.537.401.422				1.537.401.422
Số dư cuối kỳ	7.321.454.436	-	-	-	7.321.454.436
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	8.816.199.456	-	-	-	8.816.199.456

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011
	VND
Góp vốn kinh doanh (*)	2.418.668.762
	2.418.668.762

Đầu tư góp vốn liên doanh

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/2011	Q.biểu quyết tại 31/12/2011	Hoạt động kinh doanh chính
Cty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	An Giang	25,00%	25,00%	Kinh doanh siêu thị

(*) Theo Biên bản họp ngày 17/6/2003 giữa Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP HCM (Saigon Coop), Công ty Xuất nhập khẩu An Giang (nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang) và Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang (nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang) về việc hợp tác thành lập Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang (viết tắt là SAGICO) với số vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang góp 15%/vốn điều lệ tương đương 1.500.000.000 đồng. Về cơ cấu nhân sự quản lý thì các bên sẽ đề cử nhân sự tham gia quản lý Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011
	VND
Chuyển số dư đầu kỳ	63.716.281.740
Số tăng trong kỳ	1.029.053.982
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(2.762.321.062)
Số dư cuối kỳ	61.983.014.660
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:	31/12/2011
	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	448.351.965
Giá trị đàn heo chờ phân bổ	3.499.813.000
Giá trị lợi thế kinh doanh theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp (*)	56.573.575.327
Giá trị đánh giá lại giá trị vốn góp theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	1.461.274.368
	61.983.014.660

(*) Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp (Công ty xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản), giá trị lợi thế kinh doanh là 56.573.575.327 đồng. Công ty chưa thực hiện phân bổ vì theo công văn 1560/BTC-TCT của Bộ Tài Chính ngày 29/01/2011 về việc phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh: nếu giá trị lợi thế kinh doanh nằm trong phần giá trị doanh nghiệp do đánh giá lại khi cổ phần hóa, doanh nghiệp thực hiện theo phương pháp tài sản (trừ những doanh nghiệp được định giá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu) theo qui định hiện hành thì giá trị lợi thế kinh doanh chưa được phân bổ dẫn vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011
	VND
Vay ngắn hạn	419.981.688.737
Vay ngân hàng (*)	409.754.319.237
Vay cá nhân	10.227.369.500
Nợ dài hạn đến hạn trả	10.942.398.095
(Chi tiết xem Thuyết minh số 18)	
	430.924.086.832

(*) Chi tiết vay ngân hàng tại ngày 31/12/2011:

	31/12/2011	31/12/2011	31/12/2011
	HKD	USD	VND
Vay ngân hàng			
NH TMCP Công thương VN_CN An Giang ⁽¹⁾	-	-	120.686.365.127
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN An Giang ^(2a)	-	-	600.000.000
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN An Giang ^(2b)	-	3.116.568,81	64.911.895.175
NH Đầu tư và Phát triển_CN An Giang ⁽³⁾	-	-	120.506.242.835
NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam_CN Cần Thơ ⁽⁴⁾	-	-	30.000.000.000
NH TNHH MTV HSBC Việt Nam_CN Cần Thơ ^(5a)	-	-	30.000.000.000
NH TNHH MTV HSBC Việt Nam_CN Cần Thơ ^(5b)	15.558.300,00	-	43.049.816.100
	15.558.300,00	3.116.568,81	409.754.319.237

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngân hàng:

(1) Bao gồm các hợp đồng sau:

(a) Hợp đồng tín dụng số 46/2011/HĐTD-CNAG-KHDN ngày 23/08/2011, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp đông lạnh thủy sản;
- Thời hạn của khoản vay: 04 tháng từ thời điểm nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: 16,0%/năm đến 16,5%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản máy móc thiết bị nhà máy tại Xí nghiệp đông lạnh thủy sản.

(b) Hợp đồng tín dụng số 59/2011/HĐTD-CNAG-KHDN ngày 22/08/2011, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 108.500.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Kinh doanh lương thực;
- Thời hạn của khoản vay: 04 tháng từ thời điểm nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: 14,0%/năm đến 16,5%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(2) Bao gồm các hợp đồng sau:

(2a) Hợp đồng tín dụng số 374/2010/NHNT.AG (phụ lục 04) ngày 29/01/2011, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 3.500.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Chăn nuôi heo thịt;
- Thời hạn của khoản vay: 06 tháng từ thời điểm nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: 16,5%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(2b) Hợp đồng tín dụng số 374/2010/NHNT.AG (phụ lục 07) ngày 14/01/2011, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 170.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Chế biến thức ăn gia súc và nhập khẩu nguyên liệu thức ăn gia súc;
- Thời hạn của khoản vay: 06 tháng từ thời điểm nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: 7,0%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 31/05/2011, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động ;
- Thời hạn của khoản vay: 06 tháng từ thời điểm nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: 13,5%/năm đến 16,5%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản là nhà xưởng máy móc thiết bị thức ăn thủy sản; Toàn bộ giá trị hàng tồn kho của xí nghiệp thức ăn thủy sản; Giá trị hàng tồn kho của kho xuất khẩu lương thực tối thiểu là 80 tỷ.

(4) Hợp đồng tín dụng số 1003-LAV-201102032 ngày 07/09/2011, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 250.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động ;
- Thời hạn của khoản vay: 06 tháng từ thời điểm nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: 5,0%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(5a) Thư đảm bảo tín dụng

- Mục đích vay: Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu phát hành bảo lãnh của Công ty;
- Thời hạn của hợp đồng: từ 01 đến 03 tháng từ thời điểm nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: từ 14,2%/năm đến 15,0%/năm
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty.

(5b) Thư đảm bảo tín dụng

- Mục đích vay: Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu phát hành bảo lãnh của Công ty;
- Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng từ thời điểm nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: từ 4,0%/năm
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011
	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	8.193.673.774
Thuế xuất, nhập khẩu	77.547.898
Thuế TNDN	5.237.736.995
Thuế thu nhập cá nhân	710.979.263
Tiền thuê đất	290.917.802
	<u>14.510.855.732</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011
	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.561.896.235
Trích trước chi phí bảo hiểm xuất khẩu hàng hóa	377.793.935
Trích trước các khoản chi phí khác	175.160.810
	<u>2.114.850.980</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011
	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	2.273.075
Kinh phí công đoàn	1.074.928.337
Bảo hiểm xã hội	416.004.772
Bảo hiểm y tế	75.469.264
Bảo hiểm thất nghiệp	37.930.018
Vay không tính lãi của CBCNV	9.448.276.080
Phải trả về cổ phần hóa	10.174.758.157
Chiết khấu thương mại phải trả cho khách hàng	6.482.278.828
Lương công nhật phải trả lao động thuê ngoài	1.541.786.498
Phải trả Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tiền ứng chẵn nuôi	237.470.000
Phải trả phải nộp khác	619.099.425
	<u>30.110.274.454</u>

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011
	VND
Vay dài hạn	16.822.411.047
Vay ngân hàng (*)	16.822.411.047
	16.822.411.047

(*) Chi tiết vay dài hạn tại ngày 31/12/2011:

Hợp đồng và bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ (VND)	Đến hạn trả trong kỳ tới	Mục đích vay
Hợp đồng số 32/2011/HĐTD-CNAG- KHDN tại NH TMCP Công thương Việt Nam-CN An Giang	Từ 20% /năm đến 20,5%/ năm	5 năm	10.692.287.213	2.550.000.000	Bổ sung thiết bị, nâng công suất chế biến Nhà máy đông lạnh thủy sản lên 12.000 tấn/ năm.
Hợp đồng số 94/2009/NHNT.AG tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN An Giang	17,0% /năm	52 tháng	1.747.522.878	1.024.000.000	Đầu tư mua sắm hệ thống tách màu hoàn chỉnh và thiết bị đi kèm, hệ thống cân đong bao tự động và hệ thống thùng chứa.
Hợp đồng số 99/2010/NHNT.AG tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN An Giang	17,0% /năm	55 tháng	6.611.401.238	2.040.000.000	Đầu tư nhà máy sấy-xay xát lúa kho chứa lúa gạo Tân Lập.
Hợp đồng số 01/2008/HĐ tại NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam_CN An Giang	17,5% /năm	66 tháng	7.465.199.718	4.080.000.000	Mua mới thiết bị cá con, cá giống
Hợp đồng số 03/2008/HĐTD tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang	8,4%/năm	66 tháng	1.248.398.095	1.248.398.095	Đầu tư bổ sung thiết bị nâng công suất Nhà máy đông lạnh thủy sản (giai đoạn 3) thuộc huyện Châu Phú.
			27.764.809.142	10.942.398.095	

Phương thức đảm bảo khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam_CN An Giang, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam_CN An Giang, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam_CN An Giang: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Phương thức đảm bảo khoản vay dài hạn tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang: Tín chấp.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển số dư đầu kỳ	350.000.000.000	-	5.919.042.045	-	355.919.042.045
Lãi trong kỳ	-	-	-	40.581.106.963	40.581.106.963
Hoàn nhập CL tỷ giá	-	-	(5.919.042.045)	-	(5.919.042.045)
Số dư cuối kỳ	350.000.000.000	-	-	40.581.106.963	390.581.106.963

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	Tỷ lệ
	VND	%
Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang	178.500.000.000	51,00
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	71.816.500.000	20,52
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang	30.187.500.000	8,63
Cổ đông khác	69.496.000.000	19,85
	350.000.000.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ này
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu kỳ	-
- Vốn góp tăng do chuyển số dư đầu kỳ	350.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối kỳ	350.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/11
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	35.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	35.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	35.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần): 10.000 đồng

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.994.197.076.548
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.832.550.646
Doanh thu kinh doanh bất động sản	12.730.508.818
	<u><u>2.029.760.136.012</u></u>

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
Chiết khấu thương mại	8.594.892.190
Giảm giá hàng bán	798.105.873
Hàng bán bị trả lại	1.405.819.842
	<u><u>10.798.817.905</u></u>

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hóa	1.983.398.258.643
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	22.832.550.646
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	12.730.508.818
	<u><u>2.018.961.318.107</u></u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.821.860.353.507
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.205.447.291
Giá vốn kinh doanh bất động sản	9.261.518.841
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	24.256.357.957
	<u><u>1.869.583.677.596</u></u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.401.340.258
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	19.474.308.216
Lãi ứng trước tiền cho nhà cung cấp	2.689.390.642
Lãi bán hàng trả chậm	374.729.990
	34.939.769.106

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
Lãi tiền vay	46.379.685.220
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.720.346.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	215.480.195
Chiết khấu thanh toán	416.558.851
	52.732.070.298

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.247.987.784
Chi phí nhân công	6.719.015.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.271.114.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.767.240.580
Chi phí khác bằng tiền	4.979.340.570
	71.984.699.146

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.761.613
Chi phí nhân công	2.636.692.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	872.151.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	653.392.642
Chi phí khác bằng tiền	4.356.547.538
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	59.040.201
	8.649.586.189

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
Thu nhập thanh lý tài sản	703.909.091
Thu nhập từ bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng	1.072.572.908
Thu tiền hoa hồng	130.559.000
Thu nhập từ bán heo loại	1.477.975.000
Thu nhập được thưởng do giải phóng tàu nhanh	217.751.246
Thu nhập khác	420.448.488
	4.023.215.733

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	1.151.827.525
Giá trị còn lại của heo loại	1.219.852.422
Bồi thường hao hụt hàng hóa	170.846.415
Bổ sung thuế nhập khẩu phải nộp sau thông quan	307.218.761
Chi phí khác	72.995.000
	2.922.740.123

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	52.051.529.594
Các khoản điều chỉnh tăng	113.000.000
- Chi phí không hợp lệ	113.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	52.164.529.594
- Thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Thông tư 154/2011/TT-BTC	20.942.796.909
- Thu nhập chịu thuế không được miễn giảm theo Thông tư 154/2011/TT-BTC	31.221.732.685
Thuế TNDN hiện hành được miễn giảm 30% (thuế suất 25%)	5.235.699.227
Thuế TNDN hiện hành không được miễn giảm 30% (thuế suất 25%)	7.805.433.172
Thuế TNDN được miễn giảm 30% theo Thông tư 154	-1.570.709.768
	11.470.422.631
Chuyển số thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	7.974.663.718
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-14.207.349.354
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	5.237.736.995

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011
	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	40.581.106.963
Các khoản điều chỉnh	-
- LN bên tham gia liên doanh	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40.581.106.963
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>1.159</u></u>

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

33. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ 01/04/2011 đến 31/12/2011</u>
		<u>VND</u>
Bán hàng		
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	492.816.273.036
Phí giao nhận, phí ủy thác		
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	3.022.994.659
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:		
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	67.152.836.972
Phải trả		
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	424.825.434

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Kỳ kế toán từ 01/04/2011 đến 31/12/2011 là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần nên không có số liệu so sánh.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Trương Thị Thu Hương

Bùi Tôn Sơn

Phạm Văn Bảy